

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Khúc Thị Hồng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Thái Ánh Trinh

2. Ông Nguyễn Văn Dẫn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 390/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Minh N, sinh năm 1997, ***đề nghị vắng mặt***

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Anh Danh Minh Q, sinh năm 1986, ***đề nghị vắng mặt***

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:***

Chị và anh Danh Minh Q tự quen biết có thời gian tìm hiểu khoảng 04 tháng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/8/2015 tại ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ).

C sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tiếng nói chung, anh Q không chung thủy trong đời sống vợ chồng và nhiều lần có hành vi đánh chị.

Thời gian ly thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm ai và không

ai chủ động hàn gắn tình cảm.

Nay không còn tình cảm nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Minh T, sinh ngày 29/8/2018 và Danh Minh V, sinh ngày 04/7/2014 đang sống với chị. Khi ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

*Bị đơn quá trình giải quyết trình bày:* Anh và chị N tiến đến hôn nhân do tự quen biết tìm hiểu khoảng 3 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T ngày 17/8/2015.

C sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tiếng nói chung ảnh hưởng cuộc sống gia đình. Năm 2020 sống ly thân đến nay và không ai chủ động hàn gắn tình cảm.

Qua yêu cầu xin ly hôn của chị N anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Minh T, sinh ngày 29/8/2018 và Danh Minh V, sinh ngày 04/7/2014. Thời gian ly thân 02 con chung sống với chị N, anh có tới lui thăm con. Đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh N được ly hôn với anh Danh Minh Q; Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Minh T, sinh ngày 29/8/2018 và Danh Minh V, sinh ngày 04/7/2014 giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại: Ấp A, xã T, thành phố Cần

Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Minh N và anh Danh Minh Q là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị N cho rằng bất đồng quan điểm sống và anh Q không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Về phía anh Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do bất đồng quan điểm sống.

Quá trình giải quyết Tòa án đã thông báo các đương sự đến Tòa án hòa giải, động viên bỏ qua mâu thuẫn trở về chung sống đoàn tụ nhưng anh Q không đến tham gia và đề nghị vắng mặt, đồng thời chị N và anh Q đều thống nhất ly hôn, nhưng cả hai đều đề nghị vắng mặt nên không thể công nhận thuận tình ly hôn cần phải mở phiên toà và cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Danh Minh T, sinh ngày 29/8/2018 và Danh Minh V, sinh ngày 04/7/2014. Cả 02 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với chị N, đồng thời chị N và anh Q thống nhất giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 235, 262, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Minh N được ly hôn với anh Danh Minh Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Minh T, sinh ngày 29/8/2018 và Danh Minh V, sinh ngày 04/7/2014 giao cho chị Nguyễn Minh N nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Danh Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Danh Minh Q, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Minh N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0007962 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Khúc Thị Hồng**

